제 5 교시

제2외국어/한문 영역(베트남어 I)

성명		수험 번호	

1. □에 들어갈 글자는? [1점]

□a sĩ

① c
② h
③ n
④ t
⑤ v

2. 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은? [1점]

Anh **ghi** rõ địa chỉ vào tờ khai này nhé.

① **g**à ② **k**éo ③ **m**ệt ④ **n**âu ⑤ **ngh**ĩ

3. □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

s□a

① ừ
② ứ
③ ữ
④ ư
⑤ ự

4. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

○ Con đường kia đi về _____ trung tâm thành phố.
○ Thầy _____ tôi tới việc nghiên cứu ngành mới như AI.

① kí ② đổi ③ nhảy ④ trượt ⑤ hướng

5. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Mùa hè này cậu đi Việt Nam à?
B: Ừ, tớ định đi du lịch và _____ cuộc sống ở đó.

① kinh tế ② phát âm ③ thực đơn
④ may mắn ⑤ khám phá

6. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Alô, em đang làm gì thế?
B: Em đang ra siêu thị _____ mẹ.

① để chọn quà tặng ② quà tặng chọn để
③ chọn để quà tặng ④ chọn quà tặng để
⑤ tặng chọn để quà

7. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Thứ Ba, cậu có ở trường không?
B: Có, tớ sẽ ở trường (a) sáng (b) chiều.

	(a)	(b)		(a)	(b)
①	cả	và	②	mỗi	một
③	vừa	đã	④	tuy	nhưng
⑤	càng	càng			

8. 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

a. Vì tốt nghiệp loại giỏi nên tôi đã xin được việc tốt.
b. Mọi ngày chúng tôi đều tập hát sau làm xong bài tập.
c. Nghe nói không phải món ăn Hàn Quốc nào cũng cay.
d. Trở nên luật sư là mong muốn của Nguyên khi còn nhỏ.

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

9. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

① li ② bát ③ trái ④ chiếc ⑤ quyển

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

10. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Hẹn gặp lại nhé.
B: Ừ, _____ bạn.

① tạm biệt ② áo hơi chật
③ không khoẻ ④ bình thường
⑤ tớ thấy mặn

11. 대화의 내용으로 보아 B가 텔레비전을 꺼야 할 시간은? [1점]

A: Bây giờ là 9 giờ. 30 phút nữa con phải tắt ti vi.
B: Vâng ạ. Chúc bố ngủ ngon.

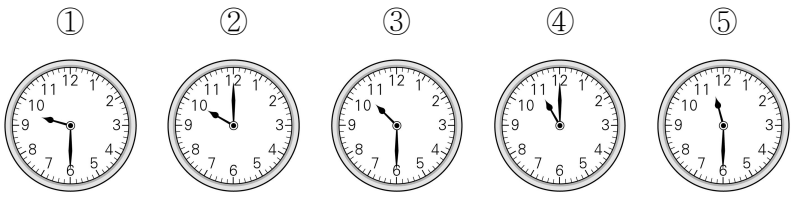

12. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Giáo viên : Em có hỏi thêm về bài này nữa không?
Học sinh : Không, em _____ ạ.

① đội mũ ② thuê nhà ③ hiểu hết rồi
④ thích màu đỏ ⑤ không xa lắm

13. Đăng에 관한 글에 언급된 것은?

Tôi tên là Đăng. Năm nay tôi 21 tuổi, là sinh viên năm thứ 3 của Trường Đại học ABC. Tôi đang sống tại TP. Hồ Chí Minh.

① 고향 ② 거주지 ③ 자격증
④ 가족 수 ⑤ 대학 전공

14. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Chị _____ ạ?
B: Cho tôi bún chả và nước cam nhé.

<보 기>

a. học gì b. dùng gì
c. gọi món gì d. làm nghề gì

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

15. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Em bị làm sao?
B: Em _____.
A: Thế à? Tôi sẽ kiểm tra.

<보 기>

a. nghe nhạc b. bị đau đầu
c. bị đau bụng d. đừng lo quá

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

16. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Alô! Đấy có phải là nhà hàng VK không?
B: Không, anh _____. Đây là công ti VK.
A: À, tôi xin lỗi.

① cao hơn ② ăn nhiều
③ chạy nhanh ④ chuẩn bị đi
⑤ gọi nhầm số rồi

17. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

① Giới thiệu ② Chúc mừng
③ Cảm ơn anh ④ Thi môn Toán
⑤ Nước lạnh quá

18. 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은? [1점]

Gia đình của Lan có 5 người: ông, bố mẹ, chị gái và Lan. Ông của Lan 78 tuổi. Mẹ của Lan đã mở một quán cà phê nhỏ. Lan và chị gái là bác sĩ.

① Lan은 5년 전 결혼했다.
② Lan의 언니는 학생이다.
③ Lan의 어머니는 의사이다.
④ Lan의 할아버지는 78세이다.
⑤ Lan의 아버지는 커피숍을 개업했다.

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

19. 안내문에 언급되지 않은 것은?

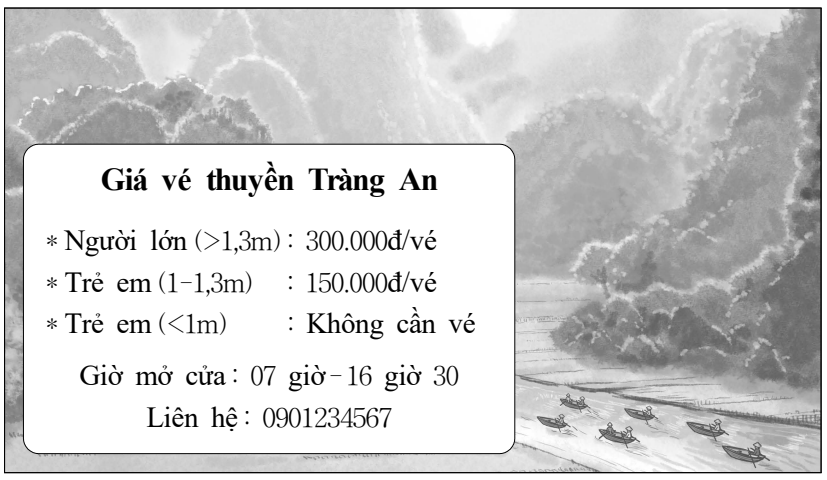

① 연락처 ② 영업시간 ③ 승선 정원
④ 승선 요금 ⑤ 무임 승선 조건

20. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A : Tối thứ Bảy này, chúng ta cùng xem World Cup nhé.
B : Đồng ý, _____.

① tớ chưa bật đèn ② cùng xem mới vui
③ tham gia triển lãm ④ màu trắng cũng đẹp
⑤ anh ấy trả lại từ điển

21. 대화의 내용으로 보아 Đà Nẵng의 오늘 날씨는? [1점]

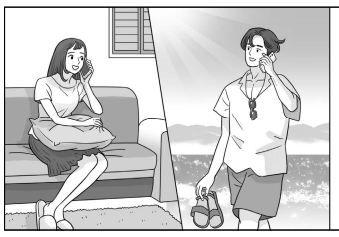

A : Hôm nay thời tiết Đà Nẵng thế nào?
B : Hôm nay trời nắng.

①
② 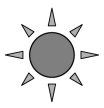
③
④
⑤

22. 베트남 우체국 챗봇 화면이다. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Xin chào, tôi có thể giúp gì cho bạn?

Ở Hội An, gửi bưu kiện đi Seoul mất bao lâu?

_____.

① Thư đã tới sớm
② Tôi gần bưu điện
③ Tôi thường đi Seoul
④ Xe lửa khởi hành khá lâu rồi
⑤ Nếu gửi thường thì mất 5 ngày

23. 대화의 내용으로 보아 B의 취미에 해당하는 것은? [1점]

A : Sở thích của bạn là leo núi à?
B : Không, tớ thích đọc sách.

① 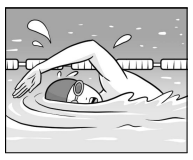
② 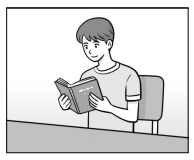
③
④ 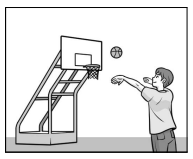
⑤ 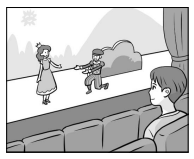

24. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A : Em ơi! _____?
B : Vâng. Chị thử đi ạ.
A : Rất vừa. _____?
B : 550.000 đồng ạ.
A : _____?
B : Em sẽ giảm cho chị 50.000 đồng.

<보 기>

a. Đôi này bao nhiêu tiền
b. Em có thể giảm giá không
c. Chị đi thử đôi giày này được không

① a - b - c ② a - c - b ③ b - a - c
④ c - a - b ⑤ c - b - a

25. 그림에 대한 설명으로 알맞은 것은?

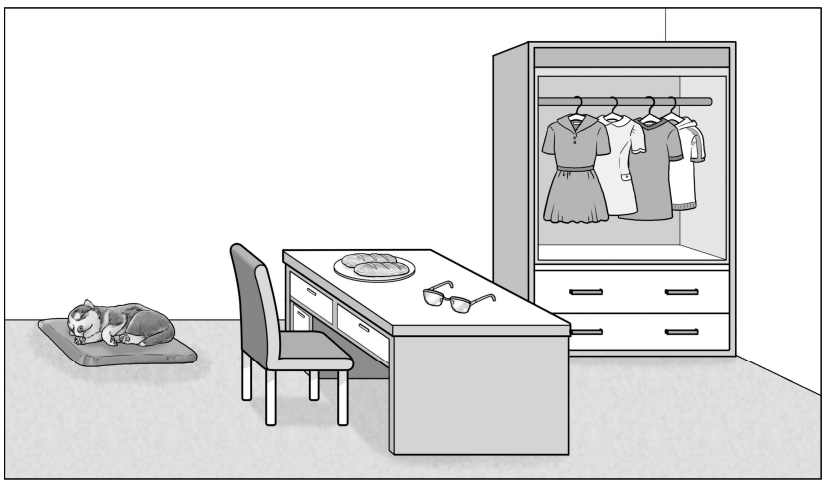

① Trên bàn có 2 cái kính.
② Dưới bàn có 1 cái bánh.
③ Dưới ghế có 1 quả bóng.
④ Trong phòng có 1 con chó.
⑤ Trước tủ quần áo có 3 túi cà phê.

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

26. 글의 내용이 가리키는 지명은?

○ Nằm ở miền Bắc của Việt Nam.
○ Có cảng biển lớn và nhiều khu công nghiệp.
○ Có nhiều nơi du lịch nổi tiếng như Cát Bà, biển Đồ Sơn,...

＊khu công nghiệp : 산업 공단

① Sa Pa ② Quy Nhơn ③ Hải Phòng
④ Nha Trang ⑤ Phan Thiết

27. Trần Hưng Đạo에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Trần Hưng Đạo (?-1300) là anh hùng dân tộc của Việt Nam. Tên thật của ông là Trần Quốc Tuấn. Ông là người đã có đóng góp to lớn cho lịch sử Việt Nam. Vào thế kỉ 13, ông giúp nhà Trần thắng quân Mông-Nguyên. Hiện nay, tại Việt Nam có nhiều đường phố và trường học mang tên ông.

＊anh hùng : 영웅 ＊quân : 군(軍)

<보 기>

a. Có con trai là Trần Quốc Tuấn.
b. Là anh hùng dân tộc của Việt Nam.
c. Đã lập 13 trường học mang tên ông.
d. Đã giúp nhà Trần thắng quân Mông-Nguyên.

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

28. Sông Mê Công에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Sông Mê Công dài trên 4.000 km. Sông bắt đầu từ Trung Quốc, đi qua Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam rồi đổ ra biển. Sông Mê Công ở Việt Nam còn có tên khác là "sông Cửu Long". Sông Mê Công đã làm cho văn hoá lúa nước của miền Nam Việt Nam phát triển.

＊sông : 강 ＊đổ ra : (으)로 나가다
＊lúa nước : 벼농사

① 미얀마에서 발원한다.
② 총길이가 4,000 km 이하이다.
③ 9개국을 거쳐 바다로 나간다.
④ 베트남 구간은 홍강으로도 불린다.
⑤ 남부 베트남의 벼농사 문화 발전에 기여했다.

29. Nhà thờ Lớn에 관한 글에 언급된 것은? [1점]

Nhà thờ Lớn ở Hà Nội còn gọi là Nhà thờ Saint-Joseph. Từ năm 1884 đến năm 1887, Pháp đã xây dựng nơi này với kiến trúc độc đáo, mô phỏng Nhà thờ Đức Bà Paris. Đây là địa điểm đẹp mà người Hà Nội và du khách thường xuyên tìm đến.

＊kiến trúc : 건축 ＊độc đáo : 독특하다
＊mô phỏng : 모방하다

① 건설사 ② 연면적 ③ 신도 수
④ 건설 기간 ⑤ 건설 비용

30. '째(chè)'에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은? [1점]

Ha-na : Hồng ơi, đây là chè phải không?
Hồng : Đúng rồi. Nhiều người Việt Nam thích món ăn vặt này. Chè ngọt và thơm.
Ha-na : Nguyên liệu nấu chè có những gì?
Hồng : Có các loại đậu, trái cây, đường,... Chè có thể ăn nóng hoặc ăn cùng với đá giống như món Bingsu của Hàn Quốc.

＊món ăn vặt : 간식 ＊nguyên liệu : 재료 ＊đậu : 콩

<보 기>

a. 차갑게만 먹을 수 있다.
b. 한국의 빙수에서 유래되었다.
c. 베트남 사람들이 좋아하는 간식이다.
d. 각종 콩 종류, 과일, 설탕 등으로 만든다.

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

＊ 확인 사항

○ 답안지의 해당란에 필요한 내용을 정확히 기입(표기)했는지 확인하시오.

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.